

Phụ lục I

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC;
NỘP TRỰC TUYẾN; THANH TOÁN TRỰC TUYẾN; SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC
(Số liệu từ 01/7/2024 đến 31/7/2024)**

(Ban hành kèm theo Văn bản số 3980 /UBND-THCBKS ngày 30 /8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (%)		Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%)		Tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào (%)		Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC (%)	
			Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>		<i>5</i>		<i>6</i>		<i>7</i>	
I	Các sở, ban, ngành	12								
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	12	51,3			12,2	99,5		88,1	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	100		100		100		100	
3	Sở Giao thông Vận tải	0	100		96,4		100		100	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	0	95,5		89,5		100		100	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	0	66,7		100		100		100	
6	Sở Nội vụ	0	97,1		57,1		100		100	
7	Sở Tài chính	0	Không phát sinh		Không phát sinh		100		100	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	68,8			28,6	100		100	
9	Sở Xây dựng	0	99,5		Không phát sinh		100		100	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	100		Không phát sinh		98,2			76,8
11	Sở Y tế	0	74,8		76,1		100		95,3	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0	100		66,7		100		100	
13	Sở Ngoại vụ	0	100		Không phát sinh		100		100	
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	98,9		100		100		100	
15	Sở Công Thương	0	99,6		Không phát sinh		100		100	
16	Sở Tư pháp	0	98,4		74,5		99,9		100	
17	Thanh Tra tỉnh	0		0	Không phát sinh		100		100	
18	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	0	100		Không phát sinh		100		100	
19	Ban Dân tộc		Không phát sinh							

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (%)		Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%)		Tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào (%)		Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC (%)	
			Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
II	UBND các huyện, thành phố	6								
1	UBND thành phố Tuyên Quang	0	91,7		85,4		99,3		93,5	
2	UBND huyện Hàm Yên	0	96,6		77,6		100		100	
3	UBND huyện Lâm Bình	0	96,9			44,9	97,6		97,6	
4	UBND huyện Chiêm Hóa	2	93,2		78,8		100		100	
5	UBND huyện Yên Sơn	3	89,2		46,2			55,4	91,7	
6	UBND huyện Na Hang	0	83,3		69,5		90,4		84,9	
7	UBND huyện Sơn Dương	1	94,3		85,2		99,3			76,4

Ghi chú:

* Số liệu cột (3), (4), (5) được khai thác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Riêng số liệu cột (4) về tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo có liên quan đến tiếp nhận, giải quyết TTHC trên phần mềm của Bộ chuyên ngành nên khai thác từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Tuy nhiên, số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của 4 cơ quan này không đồng nhất với số liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư 69%, Sở Giao thông Vận tải 7%, Sở Giáo dục và Đào tạo 38,2%).

* Số liệu cột (6) và (7) được khai thác trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tuyên Quang.

* Hồ sơ quá hạn: (19 hồ sơ)

- Cấp tỉnh: 12 hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cấp huyện, thành phố: 01 hồ sơ của UBND huyện Yên Sơn.

- Cấp xã: 06 hồ sơ của các xã, phường, thị trấn gồm:

+ UBND huyện Yên Sơn: 01 hồ sơ của xã Kim Quan, 01 hồ sơ của xã Đội Bình.

+ UBND huyện Sơn Dương: 01 hồ sơ của xã Tân Trào.

+ UBND huyện Lâm Bình: 01 hồ sơ của xã Phúc Yên.

+ UBND huyện Chiêm Hóa: 01 hồ sơ của xã Hòa Phú, 01 hồ sơ của xã Kiên Đài.

(Có Phụ lục IV chi tiết từng mã số hồ sơ quá hạn kèm theo).

* Văn bản tính tỷ lệ "Đạt"/"Không đạt" chỉ tiêu về nộp trực tuyến; thanh toán trực tuyến; số hóa: Theo khoản 2,3,4, mục II, phụ lục II ban hành kèm Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024. Cụ thể các tiêu chí đạt:

- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 50%.

- Thanh toán trực tuyến: 45%.

- Số hóa: 80%.